

Số: 154/TTYT - D-TTB-VTYT
"V/v mời báo giá"

Văn Lâm, ngày 13 tháng 2 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm trong thời gian chờ kết quả đấu thầu tập trung với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Trần Thị Hải Ngân, Trưởng khoa Dược-TTB-VTYT

Địa chỉ: Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm, xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Điện Thoại: 0392727685

3. Hình thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-TTB-VTYT

- Nhận qua email: KhoaduocTTYTVanlam@gmail.com

- Nhận qua Fax: Không

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13 tháng 2 năm 2025 đến trước 15 giờ ngày 23 tháng 2 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 2 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục : Phụ lục 01 kèm theo

2. Địa điểm giao nhận, cung cấp hàng hóa: Hàng hóa phải là hàng mới 100% và cung cấp tại kho của khoa Dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 72 giờ kể từ khi có thông báo đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không
- Thanh toán: Thanh toán hợp đồng trong vòng 45 ngày kể từ khi bàn giao nghiệm thu hàng hóa.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, D-TTB-VTTYT

GIÁM ĐỐC



BSCKI Nguyễn Thị Tâm

Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ...[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế, chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

PHỤ LỤC 01
 (Kèm theo Công văn số 157/TTYT-D-TTB-VTTYT)

STT	Tên vật tư, HCTXN	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	Phương pháp: UV kinetic Phạm vi đo: 5-400 mg/dl (0.83 đến 66.4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: ≤ 5 mg/dl (0.83 mmol/l) Thành phần chính: R1: TRIS buffer pH 7.8 ≥ 50 mmol/l GLDH ≥ 0.80 U/l Urease ≥ 12 U/ml R2: TRIS* buffer pH $9.6 \geq 100$ mmol/l 2-oxoglutarate ≥ 8.3 mmol/l NADH ≥ 0.23 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	R1: 4x66ml R2: 4x16ml	Hộp	7
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	Phương pháp: GOD-PAP Phạm vi đo: Phương pháp điểm cuối tuyến tính lên đến 400 mg /dl (22.2 mmol/l). Phương pháp động học lên đến 700 mg /dl (38.9 mmol/l). Giới hạn phát hiện: ≤ 2 mg/dl Thành phần chính: Phosphate buffer, pH 7.5 ≥ 0.1 mol/l Phenol ≥ 7.5 mmol/l GOD ≥ 12000 U/l POD ≥ 660 U/l 4-Amino-antipyrine ≥ 0.40 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6x66ml	Hộp	10



3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	Phương pháp: Jaffe Phạm vi đo: 0.2 – 15 mg/dL (18 – 1330 μmol/L) Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0,2 mg/dL (17.7 μmol/L) Thành phần chính: R1: Sodium hydroxide ≥ 0.2 mol/L R2: Picric acid ≥ 20 mmol/L Standard: ≥ 2 mg/dL (177 μmol/L) Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	R1: 4x66ml R2: 4x16ml	Hộp	2
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	Phương pháp: GPO-PAP (Glycerol phosphate oxidase/peroxidase) Phạm vi đo: 3-1000 mg/dl (0.05 - 11.4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: ≤ 3mg/dl (0.05 mmol/l) Thành phần chính: Pipes buffer pH 7.8 ≥ 50 mmol/l p-Chlorophenol ≥ 2 mmol/l Lipoprotein lipase ≥ 150000 U/l Glycerolkinase ≥ 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase ≥ 4000 U/l Peroxidase ≥ 440 U/l 4-Aminoantipyrine ≥ 0.7mmol/l ATP ≥ 0.3mmol/l Mg²⁺ ≥ 40 mmol/l Na-cholat ≥ 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) $\geq 1$$\mu$mol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6x65ml	Hộp	2

5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HbA1C	Phương pháp: Xét nghiệm miễn dịch đo độ đục Phạm vi đo: 0-15 % Bước sóng: 660nm Người không mắc Bệnh tiểu đường: < 6 % Bệnh nhân tiểu đường: < 7 % Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	R1: 4x20ml R2: 2x10ml Lyse: 2x100ml	Hộp	3
6	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	Phương pháp: ChOD-PAP Phạm vi: 3-800 mg/dl (0.08-20.7 mmol/l) Giới hạn phát hiện: ≤ 3 mg/dl (0.08 mmol/l) Thành phần chính: R1: Pipes buffer, pH 6.9 ≥ 90 mmol/l Phenol ≥ 26 mmol/l Cholesterol oxidase ≥ 200 U/l Cholesterol esterase ≥ 300 U/l Peroxidase ≥ 1250 U/l 4-Aminoantipyrine ≥ 0.4 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	6x65ml	Hộp	2
7	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Giá trị pH ở 20 độ C: xấp xỉ 5.46 Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sử dụng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp Hạn dùng ≥ 24 tháng . Bảo quản 2- ≥ 35 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	500ml	Hộp	5

8	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	Giá trị pH ở 20 độ C: xấp xỉ 5.58 Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sử dụng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp Hạn dùng ≥ 24 tháng . Bảo quản 2- ≥ 35 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	1L	Hộp	10
9	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	Giá trị pH ở 20 độ C: xấp xỉ 1.50 Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sử dụng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp Hạn dùng ≥ 24 tháng . Bảo quản 2- ≥ 35 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	500ml	Hộp	5
10	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9%; Potassium chloride < 0.06%; Buffer < 0.3%; Preservative < 0.1% Có mã QR Code quản lý hoá chất được tích hợp sẵn. Sử dụng ≥ 60 ngày sau khi mở nắp Hạn dùng ≥ 24 tháng . Bảo quản 2- ≥ 35 độ C. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	20L	Hộp	10
11	Bơm tiêm 50ml dùng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa 50ml Luer Lock được làm từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy. Đốc xoắn lắp vừa	Hộp 50 cái	Chiếc	650

		kim tiêm các số, tương thích với máy bơm tiêm điện. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.			
12	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được sản xuất theo công nghệ Hàn Quốc Thân kim được chế tạo bằng sợi thép y tế không gỉ loại 06 Cr19Ni10 (SUS 304). Cán kim được cuốn bằng sợi thép y tế không gỉ, các vòng xoắn tròn đều và khít, không có khoảng cách, Công nghệ tiệt trùng E.O.G, Quy cách: vỉ giấy, vỉ nhựa PE/PP bao phim từng cây 5 cái/vỉ, 20 vỉ/hộp. TCCL: ISO 13485:2016. Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 187265 tại Việt Nam	Hộp 100 chiếc	Chiếc	30000
13	Bơm tiêm Insulin các cỡ	Vỏ xylanh làm bằng nhựa y tế, không có chất DEHP, vạch chia dung tích 1 đơn vị, mỗi vạch tương ứng 0.01ml. Kim tiêm đường kính 0.30mm, dài $\geq 10\text{mm}$ (30Gx1/2") được đúc liền với vỏ xylanh, làm bằng thép không gỉ, đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Pittông có gioăng khít đảm bảo khí và dung dịch tiêm không lọt qua gioăng. Tiêu chuẩn ISO	Hộp 100 cái	Chiếc	25000



		13485			
14	Bông hút	Chất liệu bông thiên nhiên thân thiện môi trường, thấm hút cao và nhanh, mịn màng mềm mại không gây kích ứng da. 'Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng . PH (dung dịch 100g/lít) : 5,0-8,0; Độ ẩm $\leq 06\%$ KL; Tốc độ hút nước ≤ 10 giây; không có vi khuẩn, nấm mốc Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Túi 1kg	Kg	36
15	Đè lưỡi gỗ	Chế tạo từ gỗ tự nhiên được trich nhựa trước khi đưa vào sản xuất; đạt độ cứng (độ bẻ gãy) và độ láng đúng tiêu chuẩn. Đóng gói rời: mỗi sp/bao bì; 100 bao/hộp; Kích thước 150mmx20mmx2mm (+-10%)	100 chiếc/Hộp	Chiếc	5000
Tổng khoản: 15 khoản					